

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/DS - PT
Ngày 26 tháng 9 năm 2023
V/v Tranh chấp nợ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Sơn
Ông Trần Trung Thành

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương Giang –
Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Diệu Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm dân sự thụ lý số 52/2023/TLPT- DS ngày 10 tháng 8 năm 2023 về tranh chấp nợ. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS – ST ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2954/2023/QĐ – PT ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1970

Địa chỉ: Đội A, thôn X, xã X, huyện L, tỉnh Quảng Bình; có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thế Th – Luật sư, Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Đ, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Minh T, sinh năm 1958; bà Võ Thị Kh, sinh năm 1959

Địa chỉ: Số B đường Nguyễn Kh, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt

- *Người làm chứng:* + Bà Lương Thị Th

Địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện L, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

+ Ông Võ Quang L

Địa chỉ: Tổ dân phố B, tổ dân phố X, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

+ Bà Võ Quang L

Địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện L, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

+ Ông Võ Văn Ph, sinh năm 1966

Địa chỉ: Đội A, thôn X, xã X, huyện L, tỉnh Quảng Bình; có mặt

- *Người kháng cáo*: Ông Lê Minh T và bà Hoàng Thị D là nguyên đơn và bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án sơ thẩm số 29/2023/DS – ST ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Giữa bà Hoàng Thị D (viết tắt là nguyên đơn) và ông Lê Minh T, bà Võ Thị Kh (viết tắt là bị đơn) có quan hệ bà con với nhau (bà Kh là chị ruột của chồng bà D). Theo nguyên đơn thì bị đơn nhiều lần mượn tiền của nguyên đơn để chi phí cho việc nuôi tôm, số tiền mỗi lần mượn khoảng vài chục triệu; từ năm 2014 đến năm 2016 bị đơn còn nợ nguyên đơn 752.000.000 đồng và 5,5 chỉ vàng 9999 (01 dây chuyền vàng có giá trị là 3,5 chỉ và 01 lắc tay vàng có giá trị là 2 chỉ mượn vào ngày 09/01/2016). Mỗi lần mượn tiền vợ chồng bị đơn đều ký xác nhận vào giấy mượn tiền do nguyên đơn giữ. Bị đơn hứa đến khi bán hồ tôm sẽ trả nợ cho hết nợ cho nguyên đơn. Tuy nhiên, năm 2016 bị đơn đã bán hồ tôm nhưng không trả; ngày 26/8/2017 bị đơn bảo nguyên đơn ra hồ nuôi tôm để giải quyết các khoản nợ. Khi nguyên đơn có mặt, bà Kh có việc đột xuất phải đi vắng, nhưng trước khi đi, có điện cho nguyên đơn về việc đồng ý chuyển nhượng cho nguyên đơn hồ nuôi tôm để khấu trừ số nợ đã mượn. Sau đó, ông T đã viết và ký vào giấy chuyển nhượng hồ nuôi tôm với nội dung: Tổng số tiền ông Lê Minh T nợ nguyên đơn đến thời điểm viết giấy là 752.000.000 đồng. Ông T đồng ý bán cho nguyên đơn hồ nuôi tôm của doanh nghiệp bị đơn với giá 500.000.000 đồng, hồ nuôi tôm có diện tích 5200m², hồ thải 200m², đường đi phía Nam hồ có chiều rộng 5 mét; thời gian chuyển nhượng từ tháng 8/2017 đến tháng 9/2058, số tiền nợ còn lại là 252.000.000 đồng.

Sau khi viết giấy chuyển nhượng hồ nuôi tôm, ông T yêu cầu nguyên đơn giao toàn bộ các giấy gốc mượn tiền trước đó cho ông T nên nguyên đơn đã giao toàn bộ giấy nợ và nguyên đơn giữ mỗi giấy chuyển nhượng hồ nuôi tôm, nhưng sau đó không thực hiện được việc chuyển nhượng hồ nuôi tôm, vì hồ nuôi tôm

này doanh nghiệp của bị đơn thuê, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tháng 10/2019, vợ chồng bị đơn đến nhà nguyên đơn trả 300.000.000 đồng, trong đó 75.000.000 đồng tiền mặt, 175.000.000 đồng tiền gốc và 50.000.000 đồng tiền lãi bị đơn trả nợ giúp nguyên đơn tại Ngân hàng; việc bị đơn trả nợ cho nguyên đơn có bà Lương Thị Th và bà Võ Thị L (cùng đội C, thôn X, xã X) là người quen của cả 2 bên chứng kiến. Từ đó cho đến nay bị đơn không trả nợ còn lại cho nguyên đơn, do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ còn lại 452.000.000 đồng, tại phiên toà sơ thẩm bị đơn tự nguyện yêu cầu bị đơn trả $\frac{1}{2}$ số nợ còn lại là 220.000.000 đồng và trả 5,5 chỉ vàng (thành tiền là 33.000.000 đồng).

Theo bị đơn Lê Minh T thì năm 2016 bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng chẵn) vào ba đợt, cụ thể: Đợt 1 mượn 20.000.000 đồng, đợt 2 mượn 10.000.000 đồng và đợt 3 mượn 20.000.000 đồng, với lãi suất 7.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày để mua thức ăn nuôi tôm; nguyên đơn ghi nợ vào sổ tay và bị đơn ký xác nhận, theo thoả thuận cứ 10 ngày bị đơn thanh vay toán lãi một lần. Thời gian đầu bị đơn thanh toán đầy đủ, nhưng do khó khăn không trả đầy đủ nên nguyên đơn cộng dồn gốc và lãi thành tiền nợ gốc. Năm 2016 (không nhớ rõ ngày tháng) vợ chồng bị đơn vào nhà nguyên đơn chốt nợ vào sổ (trực tiếp ghi vào sổ của nguyên đơn) số tiền nợ cả gốc và lãi là 100.000.000 đồng. Cũng trong năm 2016 doanh nghiệp của bị đơn được đền bù tiền môi trường của công ty Phormosa Hà Tĩnh, bị đơn đã trả cho nguyên đơn 30.000.000 đồng tại cổng thôn B, xã Ng. Như vậy, bị đơn còn nợ nguyên đơn 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng chẵn), từ khi bị đơn chốt nợ, bị đơn không vay của nguyên đơn nữa. Cuối tháng 8 năm 2017 nguyên đơn cùng chồng là ông Võ Văn Ph và 4 thanh niên (không biết tên), mang theo hung khí (típ sắt, dao) đến Doanh nghiệp tư nhân nuôi trồng thủy sản H tại thôn B, xã Ng của bị đơn. Lúc này nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tiền nhưng bị đơn không có để trả, sau đó nguyên đơn rút ra 1 tờ giấy viết sẵn có nội dung yêu cầu bị đơn chuyển nhượng hồ nuôi tôm nhưng bị đơn không chấp nhận thì 4 thanh niên đi cùng nguyên đơn dùng vũ lực để khống chế buộc bị đơn phải ký tờ giấy mà nguyên đơn đã chuẩn bị từ trước. Để đảm bảo tính mạng của mình bị đơn viết bên góc phía dưới bên trái là chuyển nhượng hồ nuôi tôm với giá 500 triệu đồng, nợ tạm tính 252 triệu đồng. Sau khi bị đơn ký xong, nguyên đơn và những người thanh niên cầm hung khí còn hăm dọa nói nếu ông báo Công an thì tính mạng của ông và vợ sẽ không còn. Ngày 20 tháng 10 năm 2019, vợ chồng bị đơn đã trả nợ cho nguyên đơn 300.000.000 đồng tại nhà nguyên đơn có bà Võ Thị L (chị ruột anh

Võ Văn Ph) và bà Lương Thị Th (chị dâu anh Võ Văn Ph) thường trú tại thôn X, xã X, huyện L chứng kiến. Lúc này nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 752 triệu đồng nhưng bị đơn không đồng ý, sau đó nguyên đơn và bị đơn thoả thuận số nợ 300 triệu đồng và bị đơn đã trả hết toàn bộ số nợ cho nguyên đơn. Đối với 5 chỉ vàng 9999 năm 2016 bị đơn có mượn của nguyên đơn 05 chỉ vàng 9999 nhưng đến ngày 21 tháng 10 năm 2019 bị đơn đã trả cho nguyên đơn 7 chỉ vàng (gồm 1 dây chuyền 5 chỉ, 2 nhẫn 1 nhẫn 1 chỉ) và 2 triệu đồng) nên bị đơn không còn nợ nguyên đơn.

Theo bị đơn Võ Thị Kh thì ông Lê Minh T viết giấy mượn tiền của nguyên đơn bà không liên quan đến các khoản mượn này nên bà không chịu trách nhiệm, bà là người trực tiếp mượn và đã trả vàng cho nguyên đơn, nhưng do ông T nợ bị đơn tiền nên bà cùng ông T đứng ra chốt nợ và trả nợ cho nguyên đơn, việc vợ chồng bị đơn trả nợ có bà Lương Thị Th và bà Võ Thị L chứng kiến sự việc làm chứng, do đó bà không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS – ST ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã quyết định. Áp dụng Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 466 Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử: - Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị D. Buộc ông Lê Minh T phải trả cho bà Hoàng Thị D số tiền 220.000.000 đồng theo Giấy bán hồ tô có chữ ký của bà Hoàng Thị D và ông Lê Minh T viết ngày 26/8/2017.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu đòi nợ 5,5 chỉ vàng 9999 giá 33.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023 nguyên đơn làm đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bị đơn trả lại 5 chỉ vàng 9999 cho nguyên đơn và buộc vợ chồng bị đơn có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ và vàng cho nguyên đơn. Ngày 14/7/2023 bị đơn ông Lê Minh T kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm, vì bị đơn đã trả hết nợ cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm các đương sự và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn giữa nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS – ST ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bị đơn; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; kết quả tranh luận, ý kiến của kiểm sát viên, nguyên đơn, bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 30 tháng 6 năm 2023 Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử và ban hành Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS – ST. Ngày 11 tháng 7 năm 2023, nguyên đơn bà Hoàng Thị D làm đơn kháng cáo; ngày 14/7/2023 bị đơn ông Lê Minh T làm đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn làm trong hạn luật định; nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, bị đơn thuộc diện được miễn nộp tiền tạm ứng án phí. Kháng cáo của các đương sự đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận để xét xử phúc thẩm.

[2] Tại giấy chuyển nhượng hồ nuôi tôm lập ngày 26/8/2017 bị đơn Lê Minh T thỏa thuận chuyển nhượng hồ nuôi tôm tại xã Ng, huyện L cho nguyên đơn. Theo giấy chuyển nhượng này thì bị đơn Lê Minh T chuyển nhượng hồ nuôi tôm trị giá 500.000.000 đồng cho nguyên đơn để trừ nợ, số nợ còn lại 252.000.000 đồng. Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn Lê Minh T thừa nhận đúng chữ viết và chữ ký của mình phía dưới góc trái giấy chuyển nhượng.

[3] Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn Lê Minh T trình bày bị đơn bị nguyên đơn đe dọa, ép buộc phải viết và ký vào giấy chuyển nhượng hồ nuôi tôm nhưng bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về nội dung này. Mặt khác, việc chuyển nhượng hồ nuôi tôm ngày 26/8/2017 không thực hiện được nên ngày 20/10/2019 vợ chồng bị đơn đã tự nguyện trả cho nguyên đơn 300.000.000 đồng (75.000.000 đồng tiền mặt, 175.000.000 đồng tiền gốc và 50.000.000 đồng tiền lãi bị đơn trả nợ giúp cho nguyên đơn tại Ngân hàng), điều này khẳng định việc bị đơn trình bày bị đe dọa ép buộc viết và ký

vào giấy chuyển nhượng hồ nuôi tôm ngày 26/8/2017 là không có căn cứ; Toà án cấp sơ thẩm xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn 452.000.000 đồng và chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả $\frac{1}{2}$ số nợ là 220.000.000 đồng là có căn cứ.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại 05 chỉ vàng 9999 thấy: Tại Đơn khởi kiện và phiên toà sơ thẩm nguyên đơn xuất trình giấy bị đơn mượn 5,5 chỉ vàng 9999, nhưng tại Đơn kháng cáo và tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại 05 chỉ vàng 9999. Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên toà phúc thẩm bị đơn thừa nhận cuối năm 2016 có mượn của nguyên đơn 05 chỉ vàng 9999 như nguyên đơn đã trình bày. Tại Biên bản đối chất, biên bản ghi lời khai ngày 18/8/2023 và tại phiên toà phúc thẩm bị đơn trình bày đã trả cho nguyên đơn 07 chỉ vàng 9999 và 02 triệu đồng vào ngày 21/10/2019. Tuy nhiên, bị đơn thừa nhận không có tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả số nợ vàng cho nguyên đơn.

[5] Bản án sơ thẩm căn cứ trình bày của bị đơn về việc đã trả nợ toàn bộ số vàng cho nguyên đơn và bị đơn cung cấp hình ảnh cá nhân của nguyên đơn trên facebook ngày 11/4/2021 có đeo dây chuyền vàng, trong lúc đó bị đơn trình bày đã trả số vàng này từ năm 2019 và việc viết giấy mượn vàng nguyên đơn cung cấp 5,5 chỉ vàng so với trình bày của bị đơn 05 chỉ vàng 9999 để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ.

[6] Đối với kháng cáo của bị đơn Lê Minh T cho rằng đã trả hết nợ cho nguyên đơn nên đề nghị huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm thấy: Như phân tích tại mục [2] và [3] thì giấy bán hồ nuôi tôm lập ngày 26/8/2017 giữa nguyên đơn và ông Lê Minh T thể hiện bị đơn chuyển nhượng hồ nuôi tôm cho nguyên đơn với giá 500.000.000 đồng để trừ nợ, số nợ còn lại tạm tính đến ngày 26/8/2017 là 252.000.000 đồng. Quá trình thu thập chứng cứ, biên bản ghi lời khai và Biên bản đối chất ngày 18/8/2023 bị đơn thừa nhận đúng chữ ký, chữ viết của mình. Việc bị đơn trình bày, do nguyên đơn dùng người uy hiếp và dọa buộc bị đơn viết và ký vào giấy bán hồ tôm là không có căn cứ.

[6] Mặt khác, những người làm chứng trình bày trực tiếp thấy bị đơn trả 300.000.000 đồng cho nguyên đơn vào ngày 20/10/2019 là không đúng thực tế, bởi lẽ tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận ngày 20/10/2019 bị đơn chỉ đã trả cho nguyên đơn 25.000.000 đồng tiền mặt, số tiền còn lại hai bên thống nhất việc nguyên đơn đã nhận 50.000.000 đồng tiền mặt tại hồ nuôi tôm của bị đơn trước đó và bị đơn trả 175.000.000 đồng tiền gốc và 50.000.000 đồng tiền lãi bị đơn tại Ngân hàng nhưng những người làm chứng trình bày thấy bị đơn trả cho nguyên đơn 300.000.000 đồng là không khách.

[7] Hơn nữa, vợ chồng bị đơn trình bày năm 2016 bị đơn mượn nguyên đơn 50.000.000 đồng (vay 3 đợt) nhưng cuối năm 2016 bà Võ Thị Kh (bà Kh là vợ ông T) chốt nợ với nguyên đơn cả gốc và lãi là 100.000.000 đồng, đầu năm 2017 bị đơn đã trả cho nguyên đơn 30.000.000 đồng nên số còn nợ lại 70.000.000 đồng và bị đơn không mượn tiền của nguyên đơn nữa, nhưng năm 2019 bị đơn lại thừa nhận đã trả nợ nguyên đơn 300.000.000 đồng vào ngày 20/10/2019 là không phù hợp với việc bị đơn trình bày chỉ vay nguyên đơn 50.000.000 đồng từ năm 2016.

[8] Từ phân tích tại các mục [2], [3], [4], [5] và [6] thấy việc nguyên đơn kháng cáo yêu cầu vợ chồng bị đơn trả lại 05 chỉ vàng 9999 với giá 30.000.000 đồng (tại thời điểm xét xử giá vàng bán ra 5.600.000 đồng/vàng 9999) là có căn cứ cần chấp nhận để sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc vợ chồng bị đơn phải trả số vàng đã vay. Đối với số tiền bị đơn mượn của nguyên đơn thấy, tại phiên toà phúc thẩm bị đơn Lê Minh T thừa nhận mượn tiền của nguyên đơn để nua thức ăn nuôi tôm là dùng vào việc chung của gia đình, quá trình mượn tiền bà Kh thừa nhận ông T nợ tiền của nguyên đơn và bà đã trực tiếp chốt và trả nợ, do đó cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc vợ chồng bị đơn trả toàn bộ số nợ cho nguyên đơn. Việc bị đơn kháng cáo yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm, vì đã thanh toán xong các khoản nợ cho nguyên đơn nhưng bị đơn không tài liệu chứng minh đã trả hết nợ cho nguyên đơn nên kháng cáo của bị đơn không chấp nhận.

[9] Bị đơn là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí vụ kiện cho bị đơn. Nguyên đơn kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 272, Điều 273, khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lê Minh T về việc huỷ toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS – ST ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

2. Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Hoàng Thị D đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS – ST ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, để sửa bản án sơ thẩm.

3. Buộc ông Lê Minh T, bà Võ Thị Kh phải trả cho bà Hoàng Thị D 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng) và 05 chỉ vàng 9999.

4. Ông Lê Minh T, bà Võ Thị Kh được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Bà Hoàng Thị D không phải chịu án dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm; bà Hoàng Thị D được nhận lại 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, phúc thẩm đã nộp tại Biên lai số 0001613 ngày 19/7/2023 và Biên lai số 0001358 ngày 30/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Tuyên bố: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 26/9/2023.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đồng Hới;
- CCTHADS thành phố Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa

